

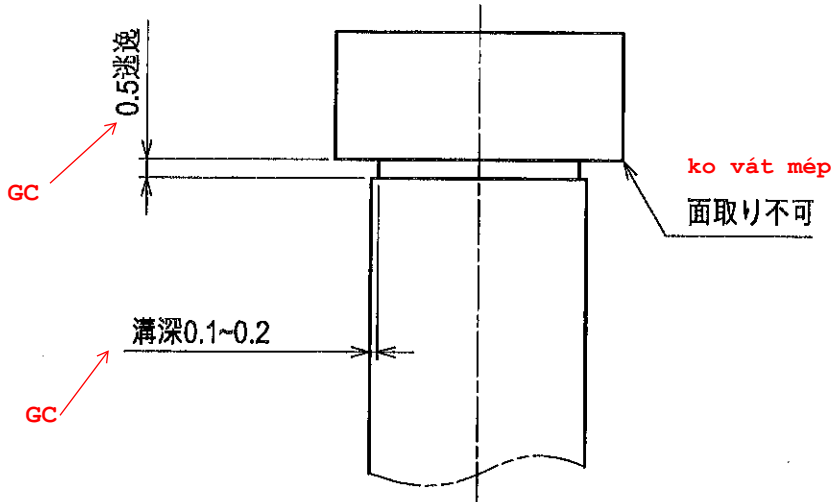
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
Init.	2011/08/05			T.Iwabuchi	Y.Takahashi	0.0000	± 0.002	0.000 +0	+0 -0.005
△						0.000	± 0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△						0.00	± 0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△						0.0	± 0.1	0.00 -0	+0.01 -0
						0.	± 0.2	0.0 +0	+0 -0.1
								0.0 -0	+0.1 -0

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED

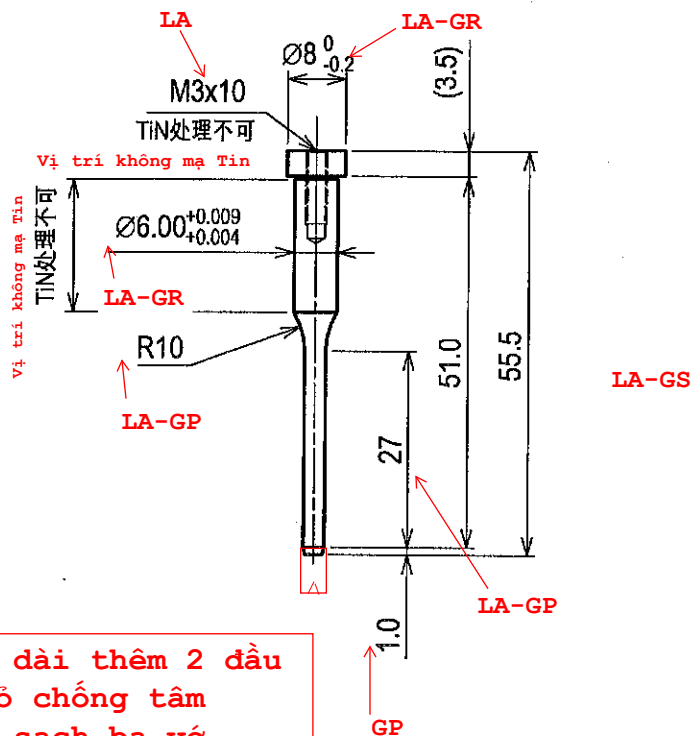
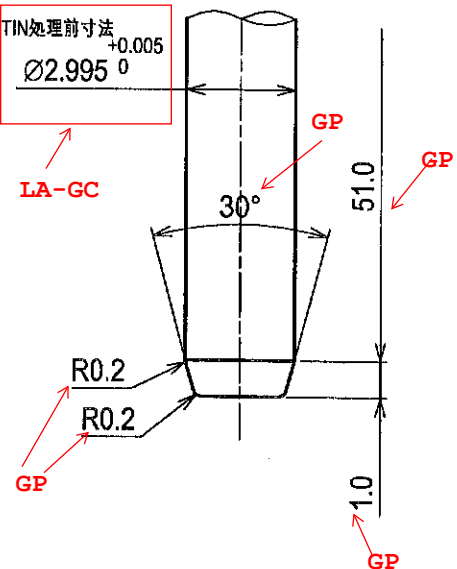
FINISH MARKS

G
▽▽ (▽)

逃逸加工详细图(5:1)



先端详细图(5:1)

TIN处理后寸法
+0.005
Ø3.0 -0.001TIN处理前寸法
+0.005
Ø2.995⁰

S CHUẨN

TIN厚度2~3µm

DWN.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
T.Iwabuchi	Y.Takahashi	部品図		リミッターパイロットピン
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		LIMITER PILOT PIN
HRC 60° ~ 62°	TIN	部品図		限制器定位销
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.
SKD11	2011/08/05	1:1		S845389

SNO: 10197

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKD11 Ø10*75	LA:30 HT8: GR:30 GS:20 GC:30 GP:30 AF:10 LT: KT